

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ PHÚ QUỐC
TỈNH KIÊN GIANG**

Bản án số: **54/2023/HNGĐ-ST**.

Ngày: 23/8/2023

V/v “**Xin ly hôn và nuôi con chung**”

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ PHÚ QUỐC - TỈNH KIÊN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông **Lâm Thanh Điền**

Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Ngô Rạng Đông**

2. Ông **Dương Tấn Đầu**

- Thư ký ghi biên bản phiên toà: Ông **Đặng Đình Toàn**- Thư ký Toà án nhân dân thành phố Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phú Quốc: Ông **Hoàng Văn Thái** – Kiểm sát viên.

Trong ngày 23 tháng 8 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Phú Quốc, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 110/2023/TLST-HNGĐ, ngày 06 tháng 4 năm 2023, về việc: “**Xin ly hôn và nuôi con chung**”.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 50/2023/QĐXXST-HNGĐ, ngày 19 tháng 7 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 84/2023/QĐST-HNGĐ, ngày 08 tháng 8 năm 2023, giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn:** Bà **Đỗ Thị Thu H**, sinh năm 1971 (Có đơn xin xét xử vắng mặt)

Địa chỉ: Tổ 4, ấp SĐ, xã DT, Tp. PQ, tỉnh KG.

*** Bị đơn:** Ông **Vũ Ngọc Đ**, sinh năm 1972 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Tổ 4, ấp SĐ, xã DT, Tp. PQ, tỉnh KG.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và tại phiên hòa giải nguyên đơn bà **Đỗ Thị Thu H** trình bày:**

Vào năm 1994 bà **Đỗ Thị Thu H** và ông **Vũ Ngọc Đ** tự tìm hiểu và yêu thương nhau chung sống vợ chồng và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn DĐ, huyện PQ (Nay là phường DĐ, thành phố PQ), tỉnh KG theo giấy chứng nhận kết hôn số 93, quyển số 01/2002, cấp ngày 02/5/2002.

Quá trình chung sống vợ chồng có 04 người con chung là **Vũ Ngọc S**, sinh năm 1995; **Vũ Ngọc Tr**, sinh năm 1999; **Vũ Ngọc H**, sinh năm 2001 và **Vũ Ngọc A**, sinh ngày 30/6/2006

Thời gian đầu vợ chồng chung sống vui vẻ hạnh phúc, nhưng đến năm 2007 tình cảm vợ chồng hay xảy ra mâu thuẫn, cãi vã nhau, bất đồng ý kiến với nhau trong cuộc sống làm cho tình cảm vợ chồng rạn nứt, không có hạnh phúc vì ông Đ quen biết với người phụ nữ khác bên ngoài, vì nghĩ đến tương lai của các con nên bà H đã cố gắng chịu đựng kéo dài nhưng không có kết quả mà mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng hơn, hiện nay không còn ai quan tâm đến cuộc sống của nhau và bà H, ông Đ đã sống ly thân.

Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn mục đích hôn nhân không đạt được nên bà H yêu cầu Tòa án giải quyết các vấn đề sau đây:

- **Về hôn nhân:** Yêu cầu được ly hôn với ông Vũ Ngọc Đ

- **Về con chung:** Quá trình chung sống vợ chồng có 04 người con chung là Vũ Ngọc S, sinh năm 1995; Vũ Ngọc Tr, sinh năm 1999; Vũ Ngọc H, sinh năm 2001 và Vũ Ngọc A, sinh ngày 30/6/2006. Hiện nay anh S, chị Tr, anh H đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Còn cháu Ngọc A có nguyện vọng sống chung với ai thì người đó có trách nhiệm chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục đến tuổi trưởng thành, nếu cháu Ngọc A có nguyện vọng sống với bà H thì bà đồng ý và không yêu cầu ông Đ cấp dưỡng nuôi con chung.

- **Về tài sản chung:** Vợ chồng tự thỏa thuận, Không yêu cầu tòa án giải quyết

- **Về công nợ chung:** Cam kết trong quá trình chung sống vợ chồng không có nợ ai và cũng không có ai nợ vợ chồng, nên không yêu cầu tòa án giải quyết

* Bị đơn ông Vũ Ngọc Đ từ khi Tòa án thụ lý giải quyết vụ án ông Đ đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng đều vắng mặt không có lý do nên Tòa án không ghi nhận ý kiến của ông Đ được.

* Con chung cháu Vũ Ngọc A có đơn xin giải quyết vắng mặt nhưng tại biên bản trình bày ý kiến cháu A trình bày như sau: Cháu A là con ruột của cha là Vũ Ngọc Đ và mẹ Đỗ Thị Thu H. Cháu A hiện tại học lớp 11 tại trường Trung học phổ thông PQ, thuộc phường DD, thành phố PQ. Nếu cha mẹ ly hôn cháu A có nguyện vọng sống chung với mẹ, vì mẹ luôn quan tâm, chăm sóc lo lắng cho cháu đầy đủ về mọi mặt, đây là nguyện vọng của cháu không ai ép buộc và xúi giục. Cháu cam đoan những lời trình bày trên là đúng sự thật.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố PQ có ý kiến:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán đúng quy định tại Điều 28 và Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 như: Xác định đúng quan hệ tranh chấp thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án và tư cách tham gia tố tụng của các đương sự, thu thập đầy đủ chứng cứ đúng quy định pháp luật, tổng đạt các văn bản cho đương sự và giao hồ sơ cho Viện kiểm sát đúng thời hạn.

Về thụ lý vụ án: Đương sự nộp tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án ngày 07/3/2023 nhưng đến ngày 23/3/2023 Tòa án mới ra Thông báo thụ lý vụ án để giải quyết là vi phạm khoản 3 Điều 195 BLTTDS quy định.

Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, thư ký tại phiên tòa đúng trình tự theo quy định Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm.

Việc tuân theo pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án. Kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án.

Đối với nguyên đơn bà Đỗ Thị Thu H có đơn xin xét xử vắng mặt, căn cứ Điều 228 BLTTDS năm 2015 đề nghị HĐXX xét xử vắng mặt bà H.

Đối với bị đơn ông Vũ Ngọc Đ đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa lần thứ 2 nhưng ông Đ vắng mặt không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 BLTTDS năm 2015 đề nghị HĐXX xét xử vắng mặt ông Đ.

Về quan điểm giải quyết vụ án:

- **Về quan hệ hôn nhân:** Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Đỗ Thị Thu H.

- **Về con chung:** Quá trình chung sống vợ chồng có 04 người con chung là Vũ Ngọc S, sinh năm 1995; Vũ Ngọc Tr, sinh năm 1999; Vũ Ngọc H, sinh năm 2001 và Vũ Ngọc A, sinh ngày 30/6/2006. Hiện nay A S, chị Tr, anh H đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Đề nghị HĐXX miễn xét, còn cháu Ngọc A có nguyện vọng sống chung với bà H đây là sự tự nguyện của cháu A nên căn cứ Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 đề nghị HĐXX giao cháu Ngọc A cho bà H là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục đến tuổi trưởng thành (18 tuổi);

- **Về cấp dưỡng nuôi con chung:** Bà Đỗ Thị Thu H không yêu cầu ông Đ cấp dưỡng nuôi con chung, đề nghị HĐXX miễn xét

- **Về tài sản chung:** Vợ chồng tự thỏa thuận, Không yêu cầu tòa án giải quyết, đề nghị HĐXX miễn xét

- **Về nợ chung:** Bà H cam kết vợ chồng không có nợ ai và cũng không có ai nợ vợ chồng, không yêu cầu Tòa án giải quyết, đề nghị HĐXX miễn xét

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa. Sau khi thảo luận nghị án Hội đồng xét xử sơ thẩm nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Nguyên đơn bà Đỗ Thị Thu H và con chung cháu Vũ Ngọc A có đơn xin xét xử vắng mặt, căn cứ Điều 228 BLTTDS năm 2015 nên HĐXX xét xử vắng mặt bà H và cháu A là phù hợp theo quy định.

Đối với bị đơn ông Vũ Ngọc Đ đã được Tòa án đã triệu tập hợp lệ lần thứ 2 để tham gia phiên tòa nhưng ông Đ vắng mặt không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 BLTTDS năm 2015 Hội đồng xét xử quyết định xét xử vụ án vắng mặt ông Đ.

[2] Về nội dung vụ án: Nguyên đơn bà Đỗ Thị Thu H khởi kiện yêu cầu xin ly hôn và nuôi con chung. Quy định pháp luật để giải quyết vụ án này là Điều 51, Điều 56 và Điều 81 Luật hôn nhân gia đình năm 2014.

Tại đơn khởi kiện và các chứng cứ trong hồ sơ vụ án thể hiện. Thời gian đầu vợ chồng chung sống vui vẻ hạnh phúc, nhưng đến năm 2007 tình cảm vợ chồng hay xảy ra mâu thuẫn, cãi vã nhau, bất đồng ý kiến với nhau trong cuộc sống làm cho tình cảm vợ chồng rạn nứt, không có hạnh phúc vì ông Đ quen biết với người phụ nữ khác bên ngoài, vì nghĩ đến tương lai của các con nên bà H đã cố gắng chịu đựng kéo dài nhưng không có kết quả mà mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng hơn, hiện nay không còn ai quan tâm đến cuộc sống của nhau và bà H, ông Đ đã sống ly thân. HĐXX xét thấy bà H và ông Đ kết hôn với nhau trên tinh thần tự nguyện tìm hiểu yêu thương nhau nhưng quá trình chung sống vợ chồng thường xảy ra mâu thuẫn dẫn đến hôn nhân không có hạnh phúc mặc dù bà H đã hàn gắn tình cảm nhiều lần nhưng không có kết quả do đó HĐXX căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014 HĐXX chấp nhận cho bà Đỗ Thị Thu H được ly hôn với ông Vũ Ngọc Đ.

[3] Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng có 04 người con chung là Vũ Ngọc S, sinh năm 1995; Vũ Ngọc Tr, sinh năm 1999; Vũ Ngọc H, sinh năm 2001 và Vũ Ngọc A, sinh ngày 30/6/2006. Hiện nay anh S, chị Tr, anh H đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết, HĐXX miễn xét, còn cháu Ngọc A có nguyện vọng sống chung với bà H đây là sự tự nguyện của cháu A nên căn cứ Điều 81 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014, HĐXX giao cháu Ngọc A cho bà H là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục đến tuổi trưởng thành (18 tuổi);

[4] Về cấp dưỡng nuôi con chung: Bà Đỗ Thị Thu H không yêu cầu ông Đ cấp dưỡng nuôi con chung, HĐXX miễn xét

[5] Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết nên Hội đồng xét xử miễn xét.

[6] Về công nợ chung: Bà H cam kết trong suốt quá trình chung sống vợ chồng không có nợ ai và cũng không có ai nợ vợ chồng. Nếu có phát sinh tranh chấp vợ chồng tự chịu trách nhiệm trước pháp luật nên Hội đồng xét xử miễn xét.

[7] Về án phí: Bà Đỗ Thị Thu H phải chịu án phí dân sự theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ các Điều 28, 35, 147, 227, 228, 238, 266, 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Áp dụng: Điều 51, 56, 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Áp dụng khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đỗ Thị Thu H về việc được ly hôn với ông Vũ Ngọc Đ

2. Về con chung: Giao cháu Vũ Ngọc A, sinh ngày 30/6/2006 cho bà H là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục đến tuổi trưởng thành (18 tuổi), phù hợp với nguyện vọng của cháu A là muốn sống cùng bà H.

Vì lợi ích mọi mặt của con chung khi cần thiết có thể thay đổi việc cấp dưỡng nuôi con hoặc người trực tiếp nuôi con.

Không bên nào có quyền ngăn cản việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung.

3. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Bà Đỗ Thị Thu H không yêu cầu ông Đ cấp dưỡng nuôi con chung, Hội đồng xét xử miễn xét.

4. Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết nên Hội đồng xét xử miễn xét.

5. Về công nợ chung: Bà H cam kết trong suốt quá trình chung sống vợ chồng không có nợ ai và cũng không có ai nợ vợ chồng. Nếu có phát sinh trA chấp vợ chồng tự chịu trách nhiệm trước pháp luật nên Hội đồng xét xử miễn xét.

6. Về án phí: Bà Đỗ Thị Thu H phải chịu án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng bà H đã nộp theo biên lai thu số 0006239, ngày 07/9/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố PQ, tỉnh KG. Bà H đã nộp xong. Ông Vũ Ngọc Đ không phải nộp án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa nên được quyền kháng cáo bản án trong hạn luật định 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án niêm yết tại địa phương nơi cư trú để xin xét xử phúc thẩm tại Tòa án nhân dân tỉnh KG.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh KG;
- VKSND thành phố PQ;
- Chi cục THA dân sự thành phố PQ;
- Ủy ban nhân dân xã phường DĐ,
- Tp Phú Quốc, tỉnh KG
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Lâm Thanh Điền